TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST
Ngày: 21-8-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Vạn Huynh

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị L** (tên gọi khác: L1); địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt; bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Ngày 31-10-2017 bà Võ Thị L đến nhà bà hỏi mượn số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để làm ăn nên bà đã đồng ý cho bà L mượn tiền. Bà L có viết giấy mượn tiền giao cho bà giữ. Khi mượn tiền bà L hẹn đến ngày 30-11-2017 sẽ trả cho bà nhưng đến hẹn bà L không trả. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L vẫn không chịu trả. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L trả cho bà số tiền bà L đã mượn là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), bà không yêu cầu bà L trả lãi.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N. Buộc bị đơn bà Võ Thị L phải trả cho bà N 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Đối với tiền lãi do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khi vay tiền của bà Phạm Thị N thì bà Võ Thị L đang cư trú tại thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, khi đến hẹn trả nợ bà L không thực hiện và đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà N biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Võ Thị L tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị N và giấy mượn tiền ngày 31-10-2017 do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Ngày 31-10-2017 bà Phạm Thị N có cho bà Võ Thị L vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

[4] Trong giấy mượn tiền ngày 31-10-2017, bà L hẹn ngày 30-11-2017 sẽ trả cho bà N số tiền trên nhưng khi đến hạn, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L vẫn không chịu trả. Việc bà Võ Thị L không trả nợ khi đến hạn cho bà Phạm Thị N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị L trả cho bà số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) mà bà L đã vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn bà Phạm Thị N không yêu cầu bà L trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 15.000.000đ x 5% = 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị N.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

2. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Phạm Thị N 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

3. Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Phạm Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị L phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002159 ngày 12-4-2018.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong